

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

*Bản án số: 546/2019/HNGĐ-ST*

*Ngày: 07/8/2019*

*V/v Tranh chấp “Ly hôn”.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồ.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1/ Ông Ông Tạ Công Minh.**

**2/ Bà Dương Thị Thu Vân.**

***Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.***

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lữ Văn Thới – Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 425/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Trịnh Văn C, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp T, xã NB, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Võ Trần Như N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp T, xã NB, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo nguyên đơn Trịnh Văn C trình bày:**

Anh C và chị N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị N sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ nhau. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhiều lần để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay anh nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Trịnh Minh N sinh ngày 26/4/2018 đang sống chung với anh và chị N, khi ly hôn anh để chị N trực tiếp nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

\* Theo bị đơn Võ Trần Như N trình bày:

Chị thống nhất lời trình bày của Anh C về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay đối với yêu cầu ly hôn của Anh C, chị đồng ý ly hôn với Anh C.

Về con chung: Chị và Anh C có 01 con chung tên Trịnh Minh N sinh ngày 26/4/2018 đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn Trịnh Văn C và bị đơn Võ Trần Như N tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung Anh C giao chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị N trình bày không có.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật. Về Hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh C và chị N, giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc Anh C phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trịnh Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh C và chị N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp, việc Anh C và chị N thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Anh C và chị N tự nguyện thỏa thuận để chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị N yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi, mặt khác tại biên bản xác minh ngày 28/6/2019 thể hiện Anh C và chị N đều có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy việc chị N yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với các điều 81, 82, 110 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần buộc Anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về mức cấp dưỡng nuôi con, theo qui định của pháp luật mức cấp dưỡng do các bên không thỏa thuận, tại phiên tòa Anh C trình bày thu nhập mỗi tháng 5.000.000đ, căn cứ vào khả năng kinh tế và thu nhập của Anh C và chị N, các qui định về cấp dưỡng của Luật Hôn nhân và gia đình và Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao và điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng, nếu sau này con chung lớn chị N có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng theo qui định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị N trình bày không có, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 246, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*- Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;*

*- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội*

### **Xử:**

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Trịnh Văn C và bị đơn Võ Trần Như N.

2/ Giao cháu Trịnh Minh N sinh ngày 26/4/2018 cho bị đơn Võ Trần Như N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Buộc nguyên đơn Trịnh Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng ngay khi án có

hiệu lực pháp luật. Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: nguyên đơn Trịnh Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, Anh C đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009888 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, do vậy Anh C phải nộp tiếp 300.000đ.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

ĐÃ KÝ

**Nguyễn Ngọc Hồ**